

Bản án số: 03/2026/DS- ST

Ngày: 30/01/2026

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – TỈNH THANH HÓA

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hương Giang

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Tường Vân

2. Ông Nguyễn Văn Thư

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Lê Tiến Trường - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 7 - Thanh Hóa.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Thanh Hóa tham gia phiên tòa:** Không

Ngày 30/01/2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 7 - Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 61/2025/TLST - DS ngày 30 tháng 10 năm 2025 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2026/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 01 năm 2026 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Văn T, sinh năm: 1966

Địa chỉ: Thôn H, xã K, tỉnh T

Số CCCD: 038066xxxxxx

- **Bị đơn:** Ông Nguyễn Bá T1 – sinh năm: 1990

Địa chỉ: Thôn H, xã K, tỉnh T

Số CCCD: 038090xxxxxx

Tại phiên tòa có mặt ông T, ông T1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 22/7/2025, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn là ông Nguyễn Văn T trình bày:

Trước đây, ông T làm thợ mộc, ông T1 là người đi buôn gỗ nên hay mua bán gỗ với nhau. Có nhiều lần ông T mua hộ gỗ cho ông T1 để ông T1 đi bán cho người khác hoặc ông T bán giúp gỗ cho ông T1. Thấy vậy, ông T1 đã nhờ ông T vay tiền

lãi sáng vay chiều trả nhiều lần. Có lần, ông T vay giúp ông T1, nhưng sau đó ông T1 đi làm ăn xa không có liên lạc nên chưa đưa tiền cho ông T để ông T trả cho những người ông T đã vay tiền giúp cho ông T1. Một số năm sau ông T1 về tiếp tục làm nghề gỗ, ông T mua của ông T1 52 triệu tiền gỗ, hai bên coi như hết nợ vì trong thời gian ông T1 đi làm ăn xa, ông T phải trả lãi hàng tháng thay cho ông T1 trong mấy năm liền. Sau đó ông T1 hứa hẹn, thề thốt và vay tiền của ông T 04 lần tổng cộng là 147.000.000 đồng. Ngày 23/7/2022, ông Nguyễn Văn T và ông Nguyễn Bá T1 chốt nợ với nhau. Ông T1 đã viết giấy vay tiền đề ngày 23/7/2022, vay của ông T số tiền là 147.000.000 đồng (một trăm bốn mươi bảy triệu đồng) và hẹn đến ngày 23/10/2022 sẽ thanh toán đầy đủ. Nhưng đến hạn ông T1 không trả nợ được cho ông T mà xin khất nợ. Ngày 10/11/2022, ông T1 trả cho ông T được 13.400.000 đồng tiền lãi; ngày 04/01/2023 trả được 3.400.000 đồng tiền lãi; ngày 07/01/2023 trả được 4.000.000 đồng tiền lãi; ngày 18/01/2023 trả được 2.000.000 đồng tiền lãi. Ngày 30 tết của năm 2024, ông T1 trả được 1.000.000 đồng tiền lãi. Tổng số tiền lãi ông T1 đã trả cho ông T là: 23.800.000 đồng (Hai mươi ba triệu tám trăm nghìn đồng). Ông T yêu cầu ông T1 phải trả cho ông T số tiền nợ gốc và tiền lãi phát sinh tính từ ngày viết giấy chốt nợ theo mức lãi suất 1,5%/tháng trừ đi số tiền lãi ông T1 đã trả.

Tại bản tự khai ngày 10/11/2025 quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà bị đơn ông Nguyễn Bá T1 trình bày:

Khoảng năm 2017 – 2018 ông T1 có vay của ông Nguyễn Văn T số tiền là 50.000.000 đồng (năm mươi triệu) lãi suất hai bên tự thỏa thuận là 3000 đồng/triệu/ ngày. Sau đó, ông T1 đã trả cho ông T số tiền lãi hơn 100.000.000 đồng thì ông T1 không có khả năng trả cho ông T nữa và sau đó đi làm ăn xa. Năm 2022, ông T1 về và ông Nguyễn Văn T có bảo ông T1 viết lại giấy vay nợ. Tính cả gốc và lãi ông T1 vay của ông T là 147.000.000 đồng, lãi suất 3%/tháng. Ông T1 đã chuyển khoản trả cho ông T 1.000.000 đồng và ông T lấy gỗ để gán nợ hơn 40.000.000 đồng. Vì vậy, ông T1 không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông T. Ông T1 yêu cầu ông T phải nộp giấy vay tiền ông T1 viết trước đó với số tiền là 50.000.000 đồng và có nguyện vọng trả cho ông T số tiền gốc cộng với lãi suất bằng lãi ngân hàng.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà ông T1 trình bày: Trước đây ông đã nhiều lần vay tiền của ông T, vay rồi trả đầy đủ cả gốc và lãi, sau đó ông T1 làm ăn bị phá sản nên không còn khả năng trả nợ cho ông T nữa. Vì vậy, ngày 23/7/2022, ông T1, ông T có chốt nợ với nhau và viết giấy chốt nợ số tiền nợ gốc và lãi còn lại tính đến ngày 23/7/2022 là 147.000.000 đồng (một trăm bốn mươi bảy triệu đồng). Hai bên thống nhất với nhau thời hạn trả nợ là ngày 23/10/2022, lãi suất là 3%/tháng. Nhưng đến hạn ông vẫn không trả được nợ nên xin khất nợ. Ngày 10/11/2022, trả được 13.400.000 đồng tiền lãi. Đến ngày 04/01/2023 trả được

3.400.000 đồng tiền lãi. Ngày 07/01/2023 trả 4.000.000 đồng tiền lãi. Ngày 18/01/2023 trả được 2.000.000 đồng tiền lãi. Ngày 30 tết của năm 2024, trả được 1.000.000 đồng tiền lãi. Tổng số tiền lãi ông T1 đã trả cho ông T là: 23.800.000 đồng (hai mươi ba triệu tám trăm nghìn đồng).

Nay ông T yêu cầu ông T1 phải trả số tiền nợ gốc và tiền lãi phát sinh tính từ ngày viết giấy chốt nợ theo quy định của pháp luật trừ đi số tiền lãi ông T1 đã trả. Ông T1 đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Nhưng hiện nay gia đình ông T1 rất khó khăn nên mỗi tháng ông T1 đề nghị được trả cho ông T cả gốc và lãi là 3.000.000 đồng – 4.000.000 đồng/ tháng cho đến khi hết nợ.

Tại phiên tòa, ông T đề nghị Tòa án buộc ông Nguyễn Bá T1 phải trả cho ông T số tiền nợ gốc và tiền lãi phát sinh với mức lãi suất là 1,5%/tháng, tính từ ngày vay cho đến khi trả hết nợ, trừ đi số tiền lãi ông T1 đã trả. Vì ông T1 đã trả lãi cho ông T những tháng đầu vượt quá lãi suất 20%/năm của khoản tiền vay nên số tiền vượt quá lãi suất 1,5%/tháng sẽ được trừ vào số tiền nợ gốc tính tại thời điểm ông T1 trả lãi. Ông T1 nợ ông T đã lâu, đã nhiều lần khát nợ nhưng vẫn cố tình không trả. Vì vậy, ông T không đồng ý cho ông T1 trả nợ dần mỗi tháng cả gốc và lãi là 3.000.000 đồng – 4.000.000 đồng/ tháng cho đến khi hết nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông Nguyễn Văn T khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Bá T1 phải trả số tiền nợ gốc đã vay là 147.000.000đ (một trăm bốn mươi triệu đồng) và tiền lãi phát sinh, ông T1 cư trú tại xã Kim Tân, tỉnh Thanh Hóa nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 7 - Thanh Hóa theo Điều 35, điểm a khoản 1 điều 39, điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự.

Trên cơ sở chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, cũng như lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn và căn cứ vào khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 463 Bộ luật dân sự vụ án có quan hệ pháp luật: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông T và ông T1 không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Tòa án ra quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định tại điều 220 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về số tiền gốc: Căn cứ vào giấy vay tiền ngày 23/7/2022 thể hiện ông Nguyễn Bá T1 có vay của ông Nguyễn Văn T tổng số tiền là 147.000.000đ (một trăm bốn mươi bảy triệu đồng). Thời hạn vay đến ngày 23/10/2022 sẽ trả toàn bộ khoản vay. Lãi suất hai bên thỏa thuận là 3%/tháng. Ông T1 cũng công nhận khoản vay nợ này là đúng thực tế, nhưng vì khó khăn nên ông chưa trả được nợ cho ông

T. Như vậy, xác định đây là hợp đồng vay tài sản có thời hạn. Do ông Nguyễn Bá T1 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán như cam kết, nên ông T yêu cầu ông T1 phải trả cho ông T số tiền nợ gốc đã vay là có căn cứ để chấp nhận. Buộc ông Nguyễn Bá T1 phải có trách nhiệm trả nợ cho ông Nguyễn Văn T số tiền nợ gốc đã vay là 147.000.000 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự. Tuy nhiên, ông T1 đã trả lãi cho ông T những tháng đầu vượt quá lãi suất 20%/năm của khoản tiền vay nên số tiền vượt quá lãi suất giới hạn sẽ được trừ vào số tiền nợ gốc tính từ ngày trả lãi vượt quá.

[3]. Về lãi suất: Trong giấy vay tiền đề ngày 23/7/2022, hai bên thỏa thuận thời hạn trả nợ của khoản vay là ngày 23/10/2022, lãi suất là 3%/tháng (tương ứng với 4.410.000 đồng/ tháng). Quá trình thực hiện hợp đồng ông Nguyễn Bá T1 đã trả cho ông Nguyễn Văn T số tiền lãi cụ thể như sau: Ngày 10/11/2022, trả được 13.400.000 đồng. Ngày 04/01/2023 trả được 3.400.000 đồng. Ngày 07/01/2023 trả 4.000.000 đồng. Ngày 18/01/2023 trả được 2.000.000 đồng. Ngày 30 tết của năm 2024, trả được 1.000.000 đồng tiền lãi. Tổng số tiền lãi ông T1 đã trả cho ông T là: 23.800.000 đồng (hai mươi ba triệu tám trăm nghìn đồng). Tại phiên toà, ông T yêu cầu ông T1 phải trả tiền lãi phát sinh với mức lãi suất là 1,5%/tháng, tính từ ngày vay cho đến khi trả hết nợ, trừ đi số tiền lãi ông T1 đã trả. Vì ông T1 đã trả lãi cho ông T những tháng đầu vượt quá lãi suất 20%/năm của khoản tiền vay nên số tiền vượt quá lãi suất 1,5%/tháng sẽ được trừ vào số tiền nợ gốc tính tại thời điểm ông T1 trả lãi. Như vậy, xác định đây là hợp đồng cho vay tài sản có thời hạn và có lãi. Ông T yêu cầu lãi suất là 1,5% thấp hơn lãi suất giới hạn mà pháp luật quy định là 20%/năm là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 468 BLDS nên được chấp nhận. Cụ thể:

1. Từ ngày 23/7/2022 đến ngày 10/11/2022 là: 03 tháng 18 ngày = $147.000.000 \text{ đồng} \times 1,5\%/\text{tháng} \times 03 \text{ tháng } 18 \text{ ngày} = 7.938.000 \text{ đồng}$.

Số tiền ông T1 trả lãi cho ông T vượt quá là: $13.400.000 \text{ đồng} - 7.938.000 \text{ đồng} = 5.462.000 \text{ đồng}$.

Số tiền lãi vượt quá được trừ vào tiền gốc là: $147.000.000 - 5.462.000 \text{ đồng} = 141.538.000 \text{ đồng}$.

2. Từ ngày 11/11/2022 đến ngày 04/01/2023 là: 01 tháng 24 ngày = $141.538.000 \text{ đồng} \times 1,5\% \times 01 \text{ tháng } 24 \text{ ngày} = 3.821.500 \text{ đồng}$.

Từ ngày 05/01/2023 đến ngày 07/01/2023 là: 03 ngày = $141.538.000 \text{ đồng} \times 1,5\% \times 03 \text{ ngày} = 212.300 \text{ đồng}$.

Số tiền ông T1 trả lãi cho ông T vượt quá là: $(3.400.000 \text{ đồng} + 4.000.000 \text{ đồng}) - (3.821.500 \text{ đồng} + 212.300 \text{ đồng}) = 3.366.200 \text{ đồng}$.

Số tiền lãi vượt quá được trừ vào tiền gốc là: $141.538.000 - 3.366.200$ đồng
 $= 138.171.800$ đồng.

3. Từ ngày 08/01/2023 đến ngày 18/01/2023 là: 11 ngày $= 138.171.800$ đồng
 $\times 1,5\% \times 11$ ngày $= 759.900$ đồng.

Số tiền ông T1 trả lãi cho ông T vượt quá là: $2.000.000$ đồng $- 759.900$ đồng
 $= 1.240.100$ đồng.

Số tiền lãi vượt quá được trừ vào tiền gốc là: $138.171.800 - 1.240.100$ đồng
 $= 136.931.700$ đồng.

4. Từ ngày 19/01/2023 đến ngày xét xử 30/01/2026 là: 36 tháng 11 ngày $=$
 $136.931.700 \times 1,5\% \times 36$ tháng 11 ngày $= 74.696.200$ đồng.

Số tiền lãi phát sinh ông T1 phải trả cho ông T là: $74.696.200$ đồng $-$
 $1.000.000$ đồng (trả vào ngày 30 tết năm 2024) $= 73.696.200$ đồng (bảy mươi ba
triệu, sáu trăm chín mươi sáu nghìn, hai trăm đồng).

Như vậy, số tiền gốc ông Nguyễn Bá T1 còn phải trả cho ông Nguyễn Văn T
là: $136.931.700$ đồng (một trăm ba mươi sáu triệu, chín trăm ba mươi một nghìn,
bảy trăm đồng).

Tổng số tiền nợ gốc và lãi ông Nguyễn Bá T1 còn phải trả cho ông Nguyễn
Văn T là: $136.931.700 + 73.696.200$ đồng $= 210.627.900$ đồng (hai trăm mười
triệu, sáu trăm hai mươi bảy nghìn, chín trăm đồng).

[4] Về án phí: Do yêu cầu của ông T được Tòa án chấp nhận nên ông T1 phải
chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 5% tương ứng với số tiền phải
trả nợ là: $210.627.900$ đồng $\times 5\% = 10.531.395$ đồng (làm tròn số là 10.531.400
đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 68; khoản 1
Điều 147; Điều 220; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều
116, Điều 117, Điều 275, Điều 280, Điều 357, Điều 463; Điều 466, Điều 468;
khoản 2 Điều 470 của Bộ luật dân sự. Khoản 1 Điều 6, điểm b khoản 1 Điều 24,
khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban
Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí
và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T.

2. Buộc ông Nguyễn Bá T1 phải có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Văn T
số tiền nợ gốc còn lại là $136.931.700$ đồng (một trăm ba mươi sáu triệu, chín trăm
ba mươi một nghìn, bảy trăm đồng).

Buộc ông Nguyễn Bá T1 phải có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Văn T số tiền lãi phát sinh là 73.696.200 đồng (bảy mươi ba triệu, sáu trăm chín mươi sáu nghìn, hai trăm đồng).

Tổng số tiền nợ gốc và lãi ông Nguyễn Bá T1 còn phải trả cho ông Nguyễn Văn T là: $136.931.700 + 73.696.200$ đồng = 210.627.900 đồng (hai trăm mười triệu, sáu trăm hai mươi bảy nghìn, chín trăm đồng).

Kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật và ông Nguyễn Văn T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Nguyễn Bá T1 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ nói trên thì phải chịu thêm lãi suất theo mức lãi quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án tính từ ngày 31/01/2026, trừ trường hợp có thoả thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí:

- Ông Nguyễn Bá T1 phải chịu 10.531.400 đồng (mười triệu, năm trăm ba mươi một nghìn, bốn trăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

- Trả lại cho ông Nguyễn Văn T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.064.500 đồng (năm triệu không trăm sáu mươi tư nghìn năm trăm đồng) tại Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa, theo biên lai số 0002416 ngày 30/10/2025.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự và điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt các đương sự. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 7;
- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- THADS tỉnh Thanh Hoá;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Hương Giang

